

# Một số đặc điểm của giáo dân di cư từ giáo phận Bùi Chu ra Hà Nội

Vũ Thị Thanh Tâm\*, Vũ Thị Hà\*\*

Nhận ngày 7 tháng 11 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 4 năm 2023.

**Tóm tắt:** Công giáo là tôn giáo có tổ chức và nền tảng thần học chặt chẽ, có những quy định, ràng buộc đối với các tín đồ trong việc thực hành đạo cũng như trong đời sống hằng ngày, tạo ra một nếp sống đạo đặc trưng riêng. Từ những năm 1990, người Công giáo ở các vùng nông thôn đã di cư đến đô thị để tìm kiếm cơ hội học tập và việc làm. Trong quá trình di cư, cộng đồng Công giáo đã và đang mang theo những nhân tố văn hoá gốc, nhất là về đức tin, nếp sống đạo. Bài viết<sup>1</sup> tập trung làm rõ một số đặc điểm cơ bản của cộng đồng giáo dân di cư từ giáo phận Bùi Chu ra Hà Nội dựa trên kết quả của một cuộc khảo sát trực tuyến vào năm 2021. Đây là thời điểm đại dịch Covid-19 đang diễn ra căng thẳng ở Hà Nội nói riêng và trên phạm vi cả nước nói chung.

**Từ khóa:** Công giáo, di cư, giáo phận Bùi Chu, Hà Nội.

**Phân loại ngành:** Dân tộc học

**Abstract:** Catholicism is a religion with strict organization and theological foundation and binding regulations for its followers in the practicing of the religion as well as in daily life, which creates a distinctive religious lifestyle. Since 1990s, Catholics in Vietnam's rural areas have migrated to urban areas in search of study and employment opportunities. During the migration process, the Catholic community has been bringing with it the original cultural elements, especially in terms of faith and religious life. The article focuses on clarifying a number of basic characteristics of the Catholic community migrating from Bùi Chu diocese to Hanoi based on the results of an online survey of 2021. That was the time of the tense COVID-19 pandemic situation in Hanoi in particular and across the country in general.

**Keywords:** Catholicism, migration, Bùi Chu diocese, Hanoi.

**Subject classification:** Ethnology

## 1. Mở đầu

Di cư là hiện tượng diễn ra ở mọi quốc gia, là xu thế tất yếu của xã hội trong quá trình phát triển và là động lực tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu lao động trong quá trình tái cơ cấu kinh tế. Ở Việt Nam, quá trình phát triển kinh tế xã hội từ thời kỳ Đổi mới (1986) đã khiến cho dòng di cư trong nước gia tăng (Liên Hợp Quốc, 2010: 6). Việt Nam có hai hình thái di cư chính: di cư theo kế hoạch của Chính phủ và di cư tự do. Trong di cư tự do, luồng di cư nông thôn - thành thị chiếm tỷ trọng lớn nhất (Tổng cục Thống kê, 2019). Người di cư đến Hà Nội có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất cả nước (Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc, 2016). Trong quyết định di cư của người di cư đến Hà Nội, năm 2004 có 70% quyết định có sự tham gia của người khác (Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc, 2005). Từ những năm 2000 trở lại đây, có hiện tượng “nữ hóa” trong di cư tự do ở Hà Nội (Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc, 2016: 2)

\* \*\* Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: thanhntamvme2020@gmail.com, vuhavme25@gmail.com

<sup>1</sup> Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 601.99-2020.300.

Di cư cũng diễn ra trong cộng đồng người Công giáo. Trong quá trình du nhập và phát triển của Công giáo ở Việt Nam, cuộc di cư lịch sử sau Hiệp định Genève (năm 1954) đã được nhiều nghiên cứu đề cập dưới góc độ chính trị, cấu trúc cộng đồng làng xã và ứng xử của cá nhân trong quá trình định cư như: *Vài nét về cuộc di cư của giáo dân Bắc kỳ sau Hiệp định Gionevor năm 1954* của Nguyễn Quang Hưng (2004); *Vấn đề Công giáo miền Bắc qua tư liệu lưu trữ của Ba Lan (1954-1956)* của Trần Thị Liên (2005); *Cuộc di cư năm 1954 phải chăng là một định mệnh lịch sử của người Công giáo miền Bắc, Cấu hình xã hội cộng đồng Công giáo Bắc di cư tại Nam bộ - Từ kích thước cộng đồng đến kích thước cá nhân* của Nguyễn Đức Lộc (2014, 2015).

Gần đây, có một số nghiên cứu đề cập đến người di cư Công giáo ở Hà Nội dưới góc độ giữ đạo trong cuộc sống đời thường ở trung tâm đô thị Hà Nội, như: *Nghiên cứu, đánh giá thực trạng về người Công giáo di cư vùng nhà thờ Thái Hà, Hà Nội tiếp cận với giáo dục* của Nguyễn Thị Minh Phượng (2008), *Hành vi đi lễ nhà thờ của sinh viên Công giáo - Phân tích từ góc độ tâm lý học* của Phạm Thị Hồng Bích (2013); *Những người đàn bà nhặt rác trong thành phố (chuyện đời và đạo của những người phụ nữ Công giáo di cư tại phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội)* của nhóm tác giả Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Hải Anh, Nguyễn Thị Thanh Tâm (2016). Cộng đoàn Gia đình Công giáo xa quê ở Hà Nội cũng đã tập hợp và ra một tập *Kỷ yếu Một thoáng nhìn lại Gia đình Công giáo xa quê Hà Nội* kỉ niệm 15 năm thành lập 2006-2021.

Về phía giáo hội, ngay từ năm 1912, Giáo hoàng Piô X cho đã thành lập một văn phòng đặc trách di dân. Còn tại Việt Nam, năm 2007, Hội đồng Giám mục Việt Nam đã thành lập “Ủy ban Giám mục lo cho người Di dân” do Hồng y Phạm Minh Mẫn làm Chủ tịch. Sau, đổi tên thành “Ủy ban Mục vụ Di dân” và hiện do Giám mục Nguyễn Anh Tuấn làm chủ tịch.

Tại Hà Nội, trong số những người Công giáo di cư có các giáo dân có điểm xuất phát từ giáo phận Bùi Chu. Họ có thành phần rất đa dạng và với mục tiêu khác nhau. Một bộ phận trong số họ đã được tập hợp nhau lại trong một cộng đoàn có tên là “Di dân Bùi Chu tại Hà Nội” (chủ yếu là những người đang làm việc) và “Sinh viên Công giáo Bùi Chu”. Đến Hà Nội, bên cạnh mục tiêu chính là học tập và làm việc, cộng đồng giáo dân di cư từ giáo phận Bùi Chu đã và đang mang theo những nhân tố văn hoá gốc; đồng thời họ cũng góp phần làm giàu thêm các giá trị văn hoá của nơi di cư, của quê hương và của chính mình. Có thể kể đến các nghiên cứu như: *Giới trẻ Công giáo và sự hòa nhập xã hội* của Vũ Thị Hà (2018); *Hoạt động của Cộng đoàn Sinh viên Công giáo Bùi Chu ở Hà Nội và vai trò của nó đối với đời sống của các thành viên* của Trần Văn Khuê (2019).

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn ra căng thẳng ở Hà Nội nói riêng và trên phạm vi cả nước nói chung, năm 2021, bài viết này dựa trên kết quả một cuộc khảo sát trực tuyến với 60 cộng tác viên ngẫu nhiên. Bảng hỏi gồm những câu hỏi đóng và mở, được soạn trên Google form và gửi đến đến các hội, nhóm và các cá nhân là giáo dân di cư từ giáo phận Bùi Chu tại Hà Nội. Ngoài phương pháp định lượng, đề tài cũng phối hợp sử dụng phương pháp định tính/phỏng vấn sâu, quan sát tham dự các hoạt động giáo dân Bùi Chu di cư tại Hà Nội cũng như về quê của họ nhằm bổ sung thông tin về hoàn cảnh, điều kiện sống, ăn ở sinh hoạt của đối tượng nghiên cứu. Ngoài ra, đề tài còn áp dụng phương pháp phân tích, tổng hợp và khái quát hóa tài liệu có liên quan đến đề tài để làm rõ một số đặc điểm cơ bản cũng như nếp sống đạo của cộng đồng giáo dân di cư từ giáo phận Bùi Chu ra Hà Nội.

Giáo hội Công giáo gồm có 3 cấp hành chính chính thức là: Giáo triều Vatican, giáo phận (*giáo hội địa phương*) và giáo xứ (*giáo hội cơ sở*). Bên cạnh đó, Giáo hội Công giáo còn có các cấp trung gian mang tính chất liên hiệp như giáo tỉnh, giáo miền, giáo hạt. Giáo hội Công giáo tại Việt Nam có 3 giáo tỉnh là: Hà Nội, Huế và Sài Gòn. Mỗi giáo tỉnh lại được chia thành các giáo phận cùng một tổng giáo phận. Như vậy, hiện nay, Việt Nam có tất cả 27 đơn vị giáo phận (gồm 3 tổng giáo phận và 24 giáo phận). Giáo phận Bùi Chu thuộc giáo tỉnh Hà Nội.

Bùi Chu là một trong những giáo phận có diện tích nhỏ nhất, có địa giới nằm ở các huyện: Xuân Trường, Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng, Trực Ninh, Nam Trực và khu vực giáo xứ Khoái Đồng trong thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Phía Đông Bắc giáp giáo phận Thái Bình với dòng sông Hồng, phía Tây Bắc giáp giáo phận Hà Nội bằng sông Đào, phía Tây Nam giáp giáo phận Phát Diệm bằng sông Đáy và phía Đông Nam là Biển Đông (vịnh Bắc Bộ). Giáo phận Bùi Chu có nhiều xứ đạo lâu đời và gắn liền với nhiều sự kiện trong lịch sử hình thành và phát triển của Công giáo tại Việt Nam. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* của Quốc sử quán triều Nguyễn (phần dã lục) viết: “ngày tháng 3 năm Nguyên Hòa thứ nhất (1533) đời Lê Trang Tông, người Tây Dương tên là Y-nê-xu lên lút đến xã Ninh Cường, xã Quần Anh huyện Nam Chân và xã Trà Lũ huyện Giao Thủy, ngấm ngấm truyền giáo về tả đạo Gia tô” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998: 719). Các địa danh này ngày nay đều thuộc tỉnh Nam Định. Vì thế, nhiều nhà sử học Công Giáo đều thống nhất lấy năm 1533 và Ninh Cường là thời điểm và địa điểm đầu tiên mà Công Giáo du nhập vào Việt Nam. Trong những thế kỷ sau, Bùi Chu trở thành trung tâm truyền giáo ở giáo phận Đàng Ngoài. Ban đầu, công việc truyền giáo ở Đàng Ngoài chủ yếu do các thừa sai dòng Tên; từ năm 1757 là các giáo sĩ dòng Đa Minh coi sóc.

Ngày 5/9/1848, Giáo hoàng Piô IX ra sắc lệnh Apostolatus Officium tách Đàng Ngoài thành 2 địa phận: Đàng ngoài và Trung Đàng ngoài. Lúc này Bùi Chu thuộc giáo phận Trung Đàng ngoài. Ngày 3/12/1924, giáo phận chính thức mang tên Bùi Chu khi Giáo hoàng ra sắc lệnh Orinarie Indonensis đổi tên từ giáo phận Trung Đàng ngoài. Năm 1936, do số lượng tín đồ của giáo phận ngày càng tăng, giáo phận Bùi Chu khi ấy đã được tách thành giáo phận Bùi Chu và giáo phận Thái Bình.

Tính đến năm 2021, giáo phận Bùi Chu có khoảng 417.185 tín hữu, 13 giáo hạt với 209 linh mục triều, 13 linh mục dòng, 175 giáo xứ, 438 giáo họ, 196 chủng sinh, 1.051 những người sống đời thánh hiến thuộc các dòng tu và tu hội, 192 dự tu (Lm. Vinh Sơn Đỗ Huy Hoàng, 2021). Nhà thờ Chính tòa của giáo phận là nhà thờ Chính tòa Bùi Chu, Giám mục Chính tòa là Toma Aquino Vũ Đình Hiệu. Có thể nói, Bùi Chu là một trong những giáo phận có lịch sử lâu đời nhất của Công giáo Việt Nam; là giáo phận có diện tích nhỏ nhất trong 27 đơn vị giáo phận nhưng lại có số lượng giáo xứ đứng thứ nhất trong giáo tỉnh Hà Nội.

## **2. Đặc điểm của cộng đồng giáo dân di cư từ giáo phận Bùi Chu ra Hà Nội**

### *2.1. Một vài nét về nhóm cộng tác viên tham gia khảo sát*

Trong nghiên cứu này, tỉ lệ nữ giới trong những người Công giáo di cư được khảo sát là 58% và nam giới là 42%. Đây là tỉ lệ được cho là phù hợp với sự tình hình di cư chung của xã hội khi “nữ giới luôn chiếm tỉ lệ cao trong di cư dù ở cấp địa giới hành chính nào, tuy nhiên cơ cấu lao động di cư theo giới chuyển hướng cân bằng hơn” như nhận định trong *Nghiên cứu vấn đề giới trong di cư trong nước và tái cơ cấu kinh tế ở Việt Nam* (Trần Thị Hồng Minh và cộng sự, 2021: iv).

Về độ tuổi, phần lớn người di cư từ giáo phận Bùi Chu đến Hà Nội trong cuộc khảo sát này tập trung ở nhóm tuổi trẻ, với độ tuổi trung bình của cả hai giới là xấp xỉ gần bằng nhau - nữ là 29 (18-40) và nam là 27 (19-35). Có thể nói, nhóm giáo dân di cư ở giáo phận này là những người trẻ tuổi, đang trong độ tuổi lao động sung sức nhất. Đặc điểm này hoàn toàn phù hợp với đặc tính chọn lọc của di cư theo độ tuổi: những người ở tuổi trưởng thành và những người mới lớn có khuynh hướng di cư nhiều hơn và họ cũng sẽ dễ thích nghi, hòa nhập với điều kiện sống mới.

Tình trạng hôn nhân của người di cư cho thấy nhìn chung những người chưa kết hôn có xu hướng di cư nhiều hơn (Tổng cục Thống kê, 2006). Kết quả phân tích số liệu của khảo sát cũng tương đồng với nhận định này, trong đó, khoảng 56% người di cư chưa lập gia đình, 42% đã lập

gia đình và số còn lại là những người có định hướng tu hành. Sự khác biệt này phần lớn là do cấu trúc tuổi của người di cư thuộc hàng trẻ. Một nguyên nhân khác là việc di cư với mục đích lao động hay học tập thường dẫn đến sự trì hoãn hôn nhân.

Trình độ học vấn của nhóm đối tượng được khảo sát có xu hướng cao hơn so với người di cư trong nhiều nghiên cứu trước đó. Theo đó, tỉ lệ người có trình độ học vấn cao đẳng, đại học, trên đại học chiếm 92% và nằm trong độ tuổi từ 18-40; trình độ trung học cơ sở chỉ chiếm 3%. Nói các khác, mục đích di cư chính của nhóm giáo dân này là để tiếp cận giáo dục, có nhiều người di cư để theo học các trình độ cao hơn. Điều này cũng dễ hiểu bởi Hà Nội là một trong những trung tâm giáo dục của cả nước nên thu hút đông đảo những người trẻ tuổi đến học tập, nâng cao trình độ cả về chuyên môn; đồng thời, ở đây có điều kiện thuận lợi, nhiều cơ hội hơn để lựa chọn nghề nghiệp thích hợp những người có trình độ học vấn cao, nhất là những sinh viên sau khi học tập tại Hà Nội muốn ở lại lập nghiệp.

Với nhóm đối tượng có trình độ học vấn như vậy, họ ít lựa chọn làm việc trong lĩnh vực lao động phổ thông, theo đó, tỉ lệ làm các công việc như: kinh doanh chiếm 23%; văn phòng chiếm 15%; giáo viên chiếm 5%; kỹ sư, dược sĩ chiếm 3%... và 25% trong số đó vẫn đang là sinh viên và không có thu nhập. Thực tế, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng thu nhập thấp và thiếu là nguyên nhân làm cho người lao động không thoả mãn và cũng là nguyên nhân chính của hiện tượng di cư trong nước. Điều này cũng được phản ánh trong kết quả khảo sát này. Khi còn ở địa phương, số người chưa có thu nhập chiếm 47% - chủ yếu là học sinh, làm nội trợ, tham gia hoạt động bác ái, hoặc phụ giúp làm nông nghiệp... Đây là một trong những động lực quan trọng trong việc thúc đẩy họ di cư từ quê hương đến một nơi khác như Hà Nội. Một số người có thu nhập tương đối cao, từ 7 triệu trở lên là giáo viên, kinh doanh, làm việc tự do, văn phòng... thì di cư là cách để họ tìm kiếm cơ hội nâng cao trình độ chuyên môn, có cuộc sống đầy đủ hơn, thu nhập cao hơn, tìm được việc làm ưng ý, phát triển ngành nghề của mình hơn nữa và nhất là có được môi trường năng động ở Hà Nội, muốn thử thách bản thân trong môi trường sống mới.

Với nhóm đối tượng nghiên cứu này, hình thức di cư chính của họ là di chuyển thường xuyên giữa Hà Nội và quê gốc của họ (83%); số còn lại có 12% đã di cư hẳn đến Hà Nội (định cư tại Hà Nội) và 5% là di cư theo mùa vụ. Như vậy, họ vẫn giữ mối liên hệ chặt chẽ với quê hương. Ý định rời hẳn cố thổ đến một nơi khác không nhiều. Họ có mục tiêu rõ ràng tại nơi đến, có mối liên hệ chặt chẽ với những người ở nhà. Họ vẫn qua lại với quê hương và chỉ ra đi để học tập, làm kinh tế.

Trước khi di chuyển đến một khu vực khác, theo quy định về quản lý được dân cư, khi đến một nơi mới để định cư, người dân phải đăng ký tạm vắng/tạm trú. Đối với giáo dân di cư từ Bùi Chu, khi di cư từ quê hương ra Hà Nội, 60% các tín hữu đã thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý về đăng ký tạm trú bởi họ nhận thấy đây là sự cần thiết về mặt pháp lý; đồng thời sẽ thuận lợi trong các thủ tục cho cá nhân. Họ cho rằng, việc đăng ký tạm vắng/tạm trú là cần thiết (35%). Tuy nhiên, số lượng người không đăng ký vẫn khá lớn (37%) vì không thấy ai kiểm tra/nhắc nhở (15%), vì thấy không quan trọng (10%). Những người này thường rơi vào những trường hợp đi về giữa quê với Hà Nội liên tục và một số ít sinh viên đi trọ thường xuyên.

Tóm lại, giáo dân di cư Bùi Chu trong nghiên cứu này là những người trẻ tuổi và phần lớn chưa lập gia đình. Hầu hết trong số họ có trình độ học vấn đại học và trên đại học. Có thể nói, họ là một nhóm người năng động, đang trong độ tuổi lao động sung sức nhất, đến Hà Nội để nâng cao tri thức và tìm kiếm những việc làm tốt hơn.

## *2.2. Nền tảng giáo lý của nhóm giáo dân di cư*

Giáo lý là nền tảng cho việc sống và giữ vững đức tin. Nếu như có nền tảng giáo lý vững chắc thì khi hòa nhập vào môi trường xã hội, các tín hữu sẽ luôn giữ vững được đức tin, luôn yêu mến Chúa và thực thi lòng bác ái trong cuộc sống thường ngày. Hiện nay, nhiều giáo xứ ở Bùi Chu

tổ chức các lớp giáo lý theo năm học như học văn hóa; có lễ khai giảng năm học giáo lý tại nhà thờ với các chủ đề khác nhau. Ví dụ, tại giáo xứ Tang Điền, khai giảng năm học Giáo lý 2022-2023 với chủ đề: “Với Chúa Giê-su con tiên bước” cho các em thiếu nhi lúc 6h30 Chúa Nhật, ngày 04/09/2022. Tham dự lễ khai giảng có Cha chính xứ, ban hành giáo, phụ huynh, giáo lý viên và 300 em thiếu nhi trong toàn giáo xứ... Ban Giáo lý cũng có báo cáo tổng kết và trao phần thưởng cho những em học xuất sắc, khá để khích lệ động viên tinh thần các em ngày một cố gắng và yêu mến việc học giáo lý hơn. Ở cấp giáo phận, cũng tổ chức kỳ thi học sinh giỏi giáo lý cấp giáo phận.

Về cơ bản, các lớp giáo lý được chia thành 5 bậc cho các nhóm độ tuổi từ nhỏ đến lớn: 4-6 tuổi: lớp Khai tâm (vỡ lòng), 7-9 tuổi: Rước lễ - Xung tội lần đầu (giáo lý cấp I); 10-13 tuổi: Thêm sức (giáo lý cấp II), 14-16 tuổi: Sống đạo (Bao đồng - giáo lý cấp III); 18 tuổi trở lên: Giáo lý hôn nhân (bắt buộc phải có cho những tín hữu sắp lập gia đình). Mỗi lớp giáo lý, trẻ em được học những phần cơ bản của đức tin Công giáo phù hợp với nhận thức theo độ tuổi và các bí tích mà các em được nhận để có thể thực hành, nâng cao đức tin, biết cách sống và giải quyết vấn đề trong cuộc sống phù hợp với đức tin của mình.

Đối với Giáo hội Công giáo, việc giáo dục đức tin cho người Công giáo là một trong những nhiệm vụ được xem là cấp bách, quan trọng, khẩn thiết nhưng cũng đầy khó khăn vất vả. Trong sách *Giáo lý Giáo hội Công giáo*, điều 5, phần II: Truyền đạt đức tin - Việc huấn giáo ghi rõ: “Huấn giáo là giáo dục đức tin cho trẻ em, thanh niên và người lớn, gồm đặc biệt là việc giảng dạy giáo lý Ki-tô giáo một cách có tổ chức và hệ thống, nhằm khai tâm họ vào cuộc sống Ki-tô hữu sung mãn” (CT 18) (*Giáo lý của Giáo hội Công giáo*, 1994: 27). Giáo hội Công giáo luôn quan tâm đến việc học giáo lý của các tín hữu bởi họ chỉ có thể sống đạo và giữ đạo tốt nếu có hiểu biết về giáo lý, đặc biệt là với những bạn trẻ phải xa rời xứ đạo để đi học, đi làm tại các thành phố lớn. Khi kiến thức về giáo lý vững chắc, họ vừa có thể giữ đạo, vừa có thể trở thành những nhân tố “loan báo Tin mừng” trong môi trường học tập và làm việc của họ. Thực tế cho thấy, mỗi khi đến một nơi ở mới, những giáo dân trẻ tuổi thường tìm kiếm nhà thờ gần đó để tham dự Thánh Lễ, nhất là Thánh Lễ chúa nhật và các lễ buộc. Họ cũng tích cực tham gia vào các sinh hoạt hội đoàn như: ca đoàn, giới trẻ, sinh viên Công giáo...

Từ số liệu cuộc khảo sát cho thấy, khi còn ở quê hương, những giáo dân di cư Bùi Chu đã tuân thủ một cách nghiêm ngặt việc học tập giáo lý cơ bản Công giáo. Đó là, 100% giáo dân di cư Bùi Chu đã học các lớp giáo lý từ sơ khai đến sống đạo: Vỡ lòng, Khai tâm (Giáo lý cấp I), Thêm sức, Xung tội và rước lễ lần đầu (Giáo lý cấp II), Bao đồng (Giáo lý cấp III); không ai bỏ qua một khóa học giáo lý nào. Họ được gia đình và cộng đồng nhắc nhở và tạo điều kiện để tham gia các khóa học giáo lý. Bên cạnh đó, đức tin của họ còn được bồi đắp khi họ được tiếp nhận các bí tích Rửa tội, Hòa giải, Thánh thể, Thêm sức trong thời niên thiếu. Do vậy, có thể nói, nhóm giáo dân di cư Bùi Chu được khảo sát đã được trang bị đầy đủ những kiến thức cơ bản về giáo lý Công giáo.

Với lớp giáo lý Vào đời (Sống đạo) dành cho thanh niên thì có đến 81,7% người di cư Bùi Chu cũng đã học. Cấp giáo lý này nhằm giúp họ hòa nhập tốt hơn vào đời sống xã hội. Do vậy, việc phần lớn trong số họ đều đã học lớp giáo lý này sẽ giúp cho họ vững tin hơn khi rời xa cộng đồng của mình, để có thể vừa giữ đạo vừa hoạt động đời được tốt đẹp.

Giáo dục đức tin và chuẩn bị cho bạn trẻ bước vào đời sống hôn nhân gia đình là điều Giáo hội rất quan tâm. Người Công giáo trước khi kết hôn đều phải có chứng chỉ giáo lý hôn nhân. Hầu hết những người di cư Bùi Chu đến Hà Nội chuẩn bị kết hôn hoặc đã kết hôn đều đã học lớp Dự bị hôn nhân. Bởi Giáo hội Công giáo xác định hôn nhân là một “bí tích” và vì vậy nó có tính chất thánh thiêng, việc cử hành “bí tích hôn nhân” một cách chính thức trước mặt cộng đồng giáo dân do một

linh mục cử hành khiến nó trở nên một giao ước vĩnh cửu giữa người nam và người nữ. Gia đình được lập trên cơ sở hôn nhân ấy còn được gọi là Hội Thánh tại gia. Người Công giáo tin rằng khi được lãnh nhận bí tích hôn nhân cách chính thức, đôi nam nữ sẽ được chúc phúc yêu thương, chung thủy với nhau suốt cả cuộc đời, trong một giao ước do chính Chúa Giêsu đã lập.

### 2.3. *Nếp sống và thực hành đức tin khi ở quê hương*

#### 2.3.1. *Tham dự thánh lễ*

##### a) *Nhận thức về vai trò của thánh lễ*

Với người Công giáo, Thánh lễ là kết nối của những màu nhiệm Thánh Thể. Người tín hữu thể hiện niềm tin của mình bằng cách tham dự thánh lễ. Các nghi lễ (thánh lễ) mà một tín hữu có thể tham dự trong suốt cuộc đời của mình có thể nói là khá nhiều. Trong đó, dự lễ ngày Chúa nhật và các ngày lễ buộc là 1 trong 6 điều răn của Hội thánh. Các “luật buộc”, “bổn phận” không chỉ là một quy định lý tưởng phải vươn tới, mà còn là một nhắc nhở lòng trung thành cần phải giữ và phát triển. Giáo hội khuyến khích các tín hữu cử hành thánh lễ hằng ngày. Tham dự thánh lễ mỗi ngày là thông phần hoàn toàn với hành vi phụng vụ dâng lên bàn thờ tất cả đời sống và lịch sử của con người. Đối với các tín hữu có thể đi nhà thờ được, thánh lễ hằng ngày đặt sự phục sinh của Chúa Kitô ngay giữa các hoạt động trong ngày của họ: nghề nghiệp, gia đình, xã hội, v.v...

Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong buổi tiếp kiến chung tại quảng trường thánh Phêrô ngày 13/12/2017 về đề tài thánh lễ đã nói về việc người Công giáo đi lễ ngày Chúa nhật: “Nếu trả lời rằng đó là luật lệ của Giáo hội thì vẫn chưa đủ; điều này giúp gìn giữ giá trị của thánh lễ, nhưng một mình nó vẫn chưa đủ. Chúng ta là những người tín hữu chúng ta cần phải tham dự thánh lễ Chúa nhật bởi vì chỉ nhờ ân sủng của Chúa Giêsu, với sự hiện diện sống động của Người trong chúng ta và giữa chúng ta, chúng ta mới có thể thực hành giới răn của Người, và như thế mới là những chứng nhân đáng tin cậy của Người” (G. Võ Tá Hoàng, 2017).

Giáo dân di cư Bùi Chu có đức tin Công giáo rất mạnh, 90% ý kiến người được hỏi cho rằng Thánh lễ có vai trò rất quan trọng đối với họ và chỉ 10% cho rằng Thánh lễ đóng vai trò quan trọng. Không một ý kiến nào cho rằng thánh lễ có vai trò tương đối quan trọng, ít quan trọng hay không quan trọng. Điều này thể hiện, vai trò của thánh lễ trong đời sống đức tin của giáo dân là rất quan trọng, không thể thiếu. “Cứ đến tuần là mình tự nhiên có trách nhiệm sắp xếp công việc để đi. Mình đến nhà thờ để cảm nhận được đức tin và học hỏi lễ sống, lễ phải. Có những người ta đến để cho thể hiện mình là người Công giáo. Có những người sùng bái. Đôi khi cuộc sống khó khăn thì mình cũng đến nhà thờ xin ban ơn”, chị Anna Th., 35 tuổi (giáo xứ Phú Nhai, Nam Định).

##### b) *Tần suất tham dự thánh lễ khi còn ở quê hương*

Để hiện thực hóa vai trò của Thánh lễ, tại quê hương, giáo dân di cư Bùi Chu thường xuyên đi lễ hằng tuần vào ngày Chúa nhật (bao gồm cả các lễ trọng) chiếm 71,6%. Ngày Chúa nhật là ngày có ý nghĩa đặc biệt và có mức độ ưu tiên hơn những ngày khác trong tuần. Vì đây là ngày Chúa sống lại và các Thánh Tông đồ đã nhận ngày này là ngày trọng thể tôn thờ Chúa và mừng kính màu nhiệm Chúa phục sinh. Giáo hội đã đặt vào giới luật “Xem lễ ngày Chúa Nhật cùng các ngày lễ buộc”. Dự lễ ngày Chúa Nhật còn là hình thức tuyên xưng đức tin và rao truyền Chúa Phục sinh của giáo dân. Vì vậy, đây cũng là lễ được người Bùi Chu xem trọng và thực hiện lễ rất quy củ.

Lễ hằng ngày (bao gồm cả thánh lễ Chúa nhật và các lễ trọng) được 18,33% giáo dân di cư thường xuyên tham dự. Chỉ có 1,6% là chỉ đi vào các dịp lễ trọng (Lễ Phục sinh, Lễ Chúa Thánh thần Hiện xuống...). Có thể thấy nếp sống đạo của giáo dân di cư Bùi Chu được thực hiện rất sốt sắng, nhiệt thành. Họ đều có ý thức về tầm quan trọng của việc tham dự Thánh lễ. Nếu vắng mặt

mà không có nguyên nhân thì được xem như đó là sự biểu thị của sự xúc phạm hay xem thường Thánh lễ. “Trước em đi tàu biển, không đi lễ được trong khoảng 3 năm. Giờ giải lao thì em cầu xin rồi đọc kinh để mình cảm thấy được bình an, như: Kính mừng, Sáng danh, Tin kính... Khi đọc thì phải ở chỗ yên tĩnh. Còn khi ở Hà Nội, nhiều khi vì công việc, không sắp xếp thời gian đi lễ được. Không đi được xét về tâm linh thì mình cũng áy náy vì mình bỏ lễ”, anh Giuse S. 33 tuổi (giáo xứ Liên Phú, Nam Định) tâm sự.

*c) Mục đích tham dự thánh lễ*

Phần đông giáo dân khi tham dự thánh lễ đều quan tâm đến bài giảng của linh mục chủ tế. Bài giảng lễ là một phần không tách biệt của phụng vụ, được thực hiện trong Thánh lễ sau bài Tin mừng và bài giảng lễ phải dựa vào các Bài đọc Sách thánh trong cử hành phụng vụ đó. Quả thực, bài giảng trong thánh lễ luôn giữ một vai trò quan trọng trong đời sống đức tin của giáo dân. Thông qua bài giảng, linh mục vừa là trung gian truyền đạt Lời Chúa, vừa là người dẫn dắt các bài học được từ kinh thánh đến cuộc sống thực tại. Thực tế cho thấy có nhiều người đã có những định hướng sau những bài giảng của linh mục, nhất là với những bài giảng của linh mục linh hướng của hội đoàn. Bài giảng càng thích hợp thì đời sống đức tin của giáo dân càng mạnh.

Tuy nhiên trên thực tế, không phải bài giảng nào cũng đem lại hiệu quả thiết thực như mong đợi. Có nhiều bài giảng gây phản cảm và tạo ra những phản ứng tiêu cực nơi người nghe.

Với giáo dân di cư Bùi Chu, bài giảng lễ của linh mục gắn Kinh thánh, giáo lý với cuộc sống hằng ngày và định hướng thêm người Công Giáo chiếm 70%; Các giảng giải Kinh thánh, giáo lý gắn với cuộc sống thường ngày của người Công giáo chiếm 21,6%. Chỉ có 1,6% cho rằng đôi khi có linh mục hơi dài dòng, lan man, bài nói chưa mang tính thực tiễn, mang nặng tính lý thuyết, thiếu sự liên kết đến đời sống thường ngày của con người. Họ mong muốn linh mục nên cập nhật các vấn đề thực tại đời sống để làm phong phú cho bài giảng của mình, tránh gây nhàm chán. Như vậy, các giáo dân cho rằng các bài giảng lễ này rất có ý nghĩa và mang tính định hướng cao trong cuộc sống. Người dân có thể lấy những tiêu chuẩn, thước đo này vào trong cuộc sống hằng ngày.

Họ cho rằng, nội dung bài giảng của các linh mục rất hữu ích cho cuộc sống 51,6%, hữu ích là 35%, ít hữu ích chỉ có 1,6%. Có thể nói rằng, với giáo dân di cư Bùi Chu, các bài giảng lễ có tính định hướng, ảnh hưởng lớn tới cuộc sống của họ tại địa phương trước khi họ di cư.

*2.3.2. Tham gia các hội đoàn Công giáo*

Trong Công giáo, một trong những bổn phận của người giáo dân là tham dự các nghi lễ thờ phụng và tham gia vào công việc truyền giáo theo cá nhân hay tập thể để củng cố niềm tin và mở rộng ảnh hưởng của Công giáo. Việc tham dự các nghi lễ mang tính tập thể đã làm xuất hiện nhu cầu liên kết thành những nhóm, những hội mang tính quần chúng. Do đó, việc hình thành các hội, các nhóm là điều tất yếu nảy sinh trong sinh hoạt tôn giáo của người giáo dân. Điều đó lại được Giáo hội khuyến khích, thúc đẩy nhằm phục vụ cho những nhu cầu tôn giáo và nhu cầu sống đạo của Công giáo. Đó chính là cơ sở và là điều kiện cho các hội, nhóm Công giáo ra đời và phát triển.

Ở Việt Nam, ngay từ những ngày đầu truyền giáo, các hình thức hội, nhóm Công giáo sơ khởi được thành lập. Việc liên kết giáo dân trong các hội, nhóm vừa củng cố đức tin trong cộng đồng người Công giáo, vừa mở rộng Nước Chúa ra toàn thế giới. Với ý nghĩa đó, các hội đoàn Công giáo ở Việt Nam được chú trọng phát triển nhằm củng cố đức tin và phát triển đạo. Có thể chia hội, nhóm Công giáo thành hai loại: nhóm hội đoàn thuần túy tôn giáo và nhóm hội đoàn liên quan đến chính trị, xã hội. Nhóm hội đoàn thuần túy tôn giáo là những hội đoàn phục vụ lễ nghi Công giáo; những hội đoàn chuyên biệt suy niệm, cầu nguyện và bác ái, như: Ca đoàn, kèn, trống, trác, dâng hoa, bát âm, hội dòng Ba Đa Minh... Nhóm hội đoàn liên quan đến chính trị, xã hội, như: Hội Giáo lý viên, Hội Trùm cựa, Hội Giới trẻ, Hội Thiếu nhi thánh thể, Sinh viên Công giáo...

Tại địa phương, 93,3% giáo dân di cư Bùi Chu đã tham gia các hội, nhóm Công giáo. Đó là các hội nhóm: Ca đoàn, Giới trẻ, Giáo lý viên, Sinh viên Công giáo, Cựu sinh viên Công giáo, Giúp lễ, Kèn đồng, Trống, Huynh trưởng, Xa quê, Thiếu nhi Thánh thể, Dâng hoa, Legio, Ôn gọi... Trong khi đó, số người tham gia các hội, nhóm hoặc các hoạt động ngoài Công giáo chỉ có 21,7%. Số người không tham gia các hội, nhóm hoạt động ngoài Công giáo chiếm 78,3%. Trong đó, các hội nhóm ngoài Công giáo cũng không phong phú, chủ yếu là Đoàn Thanh niên và Hội văn nghệ. Điều này cho thấy, các giáo dân chủ yếu sống trong môi trường Công giáo và các hội, nhóm Công giáo rất đa dạng về tổ chức, tên gọi, chức năng.

#### 2.4. Hội đoàn của giáo dân di cư ở Hà Nội

Năm 2006, xuất phát từ mong muốn làm sao cho những người con xa quê, xa gia đình nhưng không xa Chúa, xa Giáo hội và cũng xuất phát từ chính nhu cầu của những người con xa quê, tại Hà Nội, Tổng Giám mục Giuse Ngô Quang Kiệt đã cho thành lập Ban Mục vụ di dân và giao cho các linh mục Dòng Chúa Cứu thế Hà Nội đảm trách. Linh mục Phêrô Nguyễn Văn Khải là người đầu tiên phụ trách Ban này. Năm 2010, “Cộng đoàn dành riêng cho người xa quê” được đổi tên thành “Gia đình Công giáo xa quê Hà Nội” với 10 cộng đoàn và các ban ngành được thành lập như ban Tâm linh, Liên kết, Việc làm, Ca đoàn, Sinh hoạt... Tính đến tháng 8/2021, Gia đình Công giáo xa quê Hà Nội đã có 29 cộng đoàn và 19 ban ngành (Gia đình Công giáo xa quê Hà Nội, 2022: 71).

Người xa quê đến với thánh lễ dành riêng cho họ để tạ ơn Thiên Chúa, cầu bình an cho công ăn việc làm nơi đất khách quê người và gặp gỡ trao đổi chia sẻ những câu chuyện cuộc sống xa nhà. Tại đây, người xa quê luôn cảm nghiệm được tình yêu mà Thiên Chúa ban cho họ. Từ những ngày ở các tỉnh lẻ về Hà Nội làm ăn sinh sống, Thiên Chúa đã ban cho họ những ơn lành trọng đại. Họ đã có môi trường học tập tốt hơn, có khả năng phát triển cao hơn, công ăn việc làm khá ổn định và có tiền gửi về quê nuôi gia đình, và các khoản chi phí khác...

Tại các cộng đoàn này, người xa quê tự cảm nghiệm tình yêu của Chúa và tình người, tình anh em. Từ những người xa lạ khi đến nhà thờ tham dự thánh lễ người xa quê không quen biết người chung quanh, thì nay qua các cộng đoàn mà họ quen biết nhau, coi mọi người như anh em một nhà. Qua các cộng đoàn, người xa quê gắn bó chia sẻ công việc với nhau. Họ coi gia đình xa quê như giáo xứ thứ hai của mình. Do vậy, từ con số khiêm tốn chỉ khoảng 10 cộng đoàn ngày thành lập gia đình xa quê vào năm 2010, thì đến nay đã 26 cộng đoàn và 19 ban ngành đã được này được thiết lập sinh hoạt trong đại Gia đình công giáo xa quê Hà Nội.

Để khích lệ đời sống đức tin của các tín hữu Bùi Chu xa quê tại Hà Nội, giáo phận cũng đã có những hoạt động cho riêng cộng đồng này. Ngày 28/8/2014, tại giáo xứ Thịnh Liệt, giám mục Tôma Vũ Đình Hiệu (giám mục giáo phận Bùi Chu) đã lên gặp gỡ, chia sẻ tâm tình với các giáo dân Bùi Chu đang học tập và làm việc tại Hà Nội. Mỗi người như được tăng thêm sức mạnh và cảm thấy tự tin hơn trong môi trường học tập và làm việc của mình. Năm 2015, linh mục Phêrô Đình Trung Hiếu được bổ nhiệm đặc trách chăm sóc đời sống đức tin cho giáo dân Bùi Chu tại Hà Nội.

Ngày 5/1/2015, tại Tu xá Làng Tám của Dòng Đaminh, Ban điều hành Mục vụ di dân Bùi Chu được thành lập, gồm: Trưởng, Phó, Thư ký, Thủ quỹ và các ban ngành như: Ban Kèn, Ban Trống, Ban Ca đoàn, Ban Tông đồ, Ban Truyền thông, Ban nhạc, Ban Giới trẻ, Ban Khánh tiết, Ban Trật tự, Ban Âm thực. Đồng thời đưa ra những quy định cụ thể để hướng dẫn các hoạt động của ban di dân.

Giáo dân Bùi Chu từ các giáo xứ lên Hà Nội học tập, làm ăn đều có người tham gia vào các cộng đoàn xa quê tại Hà Nội. Một số người tuy không là thành viên chính thức của các cộng đoàn



đó nhưng họ vẫn có mối liên hệ chặt chẽ với những người đồng đạo cùng quê và có tham dự một số sinh hoạt tôn giáo do những cộng đoàn này tổ chức. Theo thống kê các cộng đoàn chính thức được thành lập trong Gia đình Công giáo xa quê tại Hà Nội thì Bùi Chu là giáo phận có rất nhiều cộng đoàn thành lập theo mô hình giáo xứ. Ngoài ra, người Bùi Chu còn tham gia vào các ban, cộng đoàn chung khác hoặc các hội đồng hương, cộng đồng di dân có tổ chức chưa theo mô hình giáo xứ.

Nhiều tín hữu Bùi Chu tham gia các cộng đoàn của Gia đình Công giáo xa quê Hà Nội ngay từ những ngày thành lập đầu tiên. Người Bùi Chu còn làm trưởng một số cộng đoàn như: cộng đoàn Monica, cộng đoàn Đaminh, cộng đoàn Phaolô (2009), Cộng đoàn Truyền tin, cộng đoàn Vinhson.

Ngoài tham gia các ban ngành, cộng đoàn chung đến từ nhiều giáo phận như: cộng đoàn Mẹ Mân Côi, cộng đoàn Gioan Donbosco, cộng đoàn Martinô, cộng đoàn Monica, cộng đoàn Têrêsa, cộng đoàn Anphongsô... tín hữu Bùi Chu còn có các cộng đoàn của riêng người Bùi Chu theo mô hình giáo xứ, như: cộng đoàn Đaminh Thủy Nhai (giáo xứ Thủy Nhai), cộng đoàn truyền tin Vạn Lộc (giáo xứ Vạn Lộc), cộng đoàn Vinhson An Phú (giáo xứ An Phú), cộng đoàn Anphongsô Thuận Thành (giáo xứ Thuận Thành), cộng đoàn Giuse Hiền Xuân Dục (giáo xứ Xuân Dục), cộng đoàn Nhất gia tam thánh (giáo xứ Quần Cống, giáo xứ Thánh Thể và giáo xứ Thánh Mẫu), cộng đoàn Mẹ Hằng Cứu giúp Phú Nhai (giáo xứ Phú Nhai), cộng đoàn Augustinô Thanh Thủy (giáo xứ Thanh Thủy), cộng đoàn Mẹ Vô Nhiễm Hai Giáp (giáo xứ Hai Giáp), cộng Đoàn Mẹ Fatima Duyên Thọ (giáo xứ Duyên Thọ), cộng đoàn Phêrô Tự Ninh Cường (giáo hạt Ninh Cường), cộng đoàn Vinhson Giáp Nam (giáo xứ Giáp Nam). Bên cạnh đó còn các cộng đồng giáo xứ của Bùi Chu thành lập các hội đồng hương hoặc cộng đoàn di dân của giáo xứ mình tại Hà Nội, như: Hội đồng hương giáo xứ Nam Điền, hội đồng hương giáo xứ Báo Đáp, cộng đoàn Di dân giáo xứ Đại Đồng, cộng đoàn Di dân giáo xứ Phú Thọ, di dân giáo xứ Triệu Thông, cộng đoàn Di dân Thiện Giáo, cộng đoàn Di dân giáo xứ Định Hải...

Nói chung, tính cố kết cộng đồng của giáo dân Bùi Chu di cư tới Hà Nội là rất lớn. Khi di cư đến Hà Nội, họ chủ động tham gia các hội, nhóm Công giáo xa quê rất đa dạng về tổ chức, tên gọi và chức năng. Để từ đó họ được nâng đỡ về đức tin, tạo môi trường thuận lợi nhất trong việc thực hiện giáo luật.

### **3. Kết luận**

Hà Nội với chính sách đô thị hóa gắn liền với phát triển công nghiệp, mở rộng các ngành dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng, mở rộng đầu tư nước ngoài cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường đã tạo ra nhiều việc làm. Bên cạnh đó, thực trạng tốt của giáo dục, y tế, môi trường sôi động... là động lực hấp dẫn nhiều người từ các địa phương di cư đến Hà Nội học tập, lập nghiệp, phát triển năng lực bản thân và mưu cầu cuộc sống tốt đẹp hơn, trong đó có một bộ phận không nhỏ là các tín đồ Công giáo nói chung và giáo dân Bùi Chu nói riêng.

Các giáo dân di cư từ giáo phận Bùi Chu có những đặc điểm chung của người di cư đồng thời mang trong mình những đặc điểm riêng của người Công giáo. Họ là những người trong độ tuổi lao động, nữ giới chiếm tỉ trọng cao hơn nam giới và có trình độ học vấn ngày càng cao hơn. Giáo dân Bùi Chu di cư ra Hà Nội đã hình thành nếp sống đạo và nền tảng đức tin ổn định trước khi đến Hà Nội học tập và lao động. Họ có nền tảng giáo lý vững chắc. Họ luôn chu toàn bổn phận của một tín hữu Công giáo khi tham dự các thánh lễ theo như luật buộc. Nếp sống đạo đóng vai trò quan trọng mang tính định hướng về nếp sống và cách thức thực hành đức tin. Với nhu cầu sống đạo, giữ đạo, phát triển đạo, họ đã thành lập và tham dự các mạng lưới hội đoàn xa quê, đồng hương để tạo môi trường có sự gắn kết đức tin và gắn kết giữa những người đồng đạo. Đây là tiền đề cho việc

thiết lập và mở rộng hơn các quan hệ xã hội trong quá trình học tập và lao động tại Hà Nội. Việc tham gia các hội đoàn là nhu cầu làm cho họ cảm thấy mình là một phần của quê hương, của giáo hội, gắn bó với quê hương. Việc thực hiện các quy định của đạo để bồi đắp tinh thần đạo không bị sao lãng, phai nhạt; và để tinh thần đạo được thấm nhuần và thể hiện sống động trong cuộc sống hàng ngày.

### **Tài liệu tham khảo**

Gia đình Công giáo xa quê Hà Nội. (2022). *15 năm làm chứng cho Chúa Cứu thế 2006-2021*. Kỷ yếu của Cộng đoàn Gia đình Công giáo xa quê Hà Nội. Hà Nội.

*Giáo lý của Giáo hội Công giáo (phiên bản Pdf)*. TP. Hồ Chí Minh. 1994.

G. Võ Tá Hoàng. (13/12/2017). Tại chúng ta đi lễ ngày Chúa nhật?. *Giáo phận Quy Nhơn*. <http://gpquinhon.org/q/giao-ly/tai-sao-chung-ta-di-le-ngay-chua-nhat-720.html>

Lm. Vinh Sơn Đỗ Huy Hoàng. (11/4/2021). Nhà thờ chính tòa Bùi Chu - Dấu ấn giai đoạn phát triển mới của Giáo phận Bùi Chu. *Hội đồng Giám mục Việt Nam*. <https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/nha-tho-chinh-toa-bui-chu-dau-an-giai-doan-phat-trien-moi-cua-giao-phan-bui-chu-41745>

Phạm Thị Hồng Bích. (2013). *Hành vi đi lễ nhà thờ của sinh viên Công giáo - Phân tích từ góc độ tâm lý học xã hội*. [Luận văn Thạc sĩ ngành Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội].

Quốc sử quán triều Nguyễn. (1998). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Nxb. Giáo dục.

Tổng cục Thống kê. (2006). *Điều tra di cư năm 2004: Di cư trong nước và mối liên hệ với các sự kiện của cuộc sống*. Xí nghiệp in SAVINA.

Trần Thị Hồng Minh và cộng sự. (2021). *Nghiên cứu vấn đề giới trong di cư trong nước và tái cơ cấu kinh tế ở Việt Nam*. Báo cáo tổng hợp Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam. Hà Nội.

Vũ Thị Hà. (2021). *Sinh viên Công giáo ngoại tỉnh ở Hà Nội - Sự hòa nhập xã hội và thực hành đức tin*. Nxb. Khoa học xã hội.